**TỔNG QUAN CÁC NGHIÊN CỨU NƯỚC NGOÀI VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ**

**Nghiên cứu về các mảng của hệ thống KSNB được mốt số tác giả có liên quan quan tâm và nghiên cứu. Bài viết này tác giả tổng thuật lại các hướng nghiên cứu của các tác giả trên thế giới về hệ thống KSNB.**

Qua quá trình tra cứu và tham khảo nhiều tài liệu khác nhau đối với các mảng vấn đề liên quan. Tác giả nhận thấy đã có rất nhiều công trình nghiên cứu liên quan các yếu tố của HTKSNB, tác động của HTKSNB tới các đối tượng, cũng như các nhân tố ảnh hưởng đến sự hữu hiệu của HTKSNB, đến hiệu quả của doanh nghiệp tại nhiều quốc gia trên thế giới đã được các tác giả khác nhau thực hiện trong thời gian vừa qua. Tác giả xin nêu ra một số các công trình tiêu biểu như sau:

***1. Các nghiên cứu về hệ thống kiểm soát nội bộ***

* *Nghiên cứu hệ thống KSNB theo hướng quản trị*

 Trên cơ sở báo cáo COSO năm 1992, tổ chức COSO đã tiến hành nghiên cứu về hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp (ERM). Trong nghiên cứu này, ERM được xây dựng gồm 8 bộ phận bao gồm: môi trường nội bộ, thiết lập mục tiêu, nhận diện sự kiện, đánh giá rủi ro, đối phó rủi ro, các hoạt động kiểm soát, thông tin truyền thông và giám sát. Vào năm 2004, COSO chính thức ban hành ERM làm nền tảng trong việc quản trị rủi ro doanh nghiệp. Ngoài ra, các nghiên cứu của các tác giả như: Merchant, K.A (1985); Anthonny, R.N và Dearden, J.Bedford (1989); Laura F.Spira và Micheal Page (2002); Yuan Li, Yi Liu, Younggbin Zhao (2006) đều cho rằng KSNB có mối quan hệ với công tác quản trị doanh nghiệp, điều này thể hiện cụ thể ở việc: KSNB có vai trò định hướng thị trường của doanh nghiệp và KSNB có tác động đến hoạt động phát triển sản phẩm mới của doanh nghiệp.

Tác giả Mawanda, (2008) khi thực hiện nghiên cứu để kiểm tra những ảnh hưởng của KSNB đối với hoạt động tài chính tại các trường đại học ở Uganda đã chứng minh rằng có mối quan hệ giữa HTKSNB và hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Mô hình mối quan hệ được tác giả thể hiện ở hình 1.1

**Kiểm soát nội bộ**

 \* Môi trường kiểm soát

 \* Kiểm toán nội bộ

 \* Hoạt động kiểm soát

**Hoạt động tài chính**

\* Tính thanh khoản

 \* Trách nhiệm

 \* Báo cáo

**Các biến trung gian**

\* Chính sách của Hội đồng quản trị

 \* Hội đồng giáo dục quốc gia

 \* Bộ giáo dục

**Hình 1. Mô hình mối liên hệ giữa KSNB với hoạt động tài chính**

***(****Nguồn: mô hình của Mawanda, (2008))*

Tác giả William & Kwasi, (2013) khi thực hiện nghiên cứu về tính hiệu quả của HTKSNB ở các ngân hàng khu vực phía đông của Ghana đã đưa ra kết luận rằng: HTKSNB hỗ trợ nhà quản lý trong việc đạt được các mục tiêu của đơn vị mình.

**Hệ thống kiểm soát nội bộ**

\* Kiểm soát quản lý

\* Kiểm soát kế toán nội bộ

\* Kiểm toán nội bộ

**Đạt được các mục tiêu của công ty**

\* Tiến hành kinh doanh một cách có trật tự và hiệu quả

\* Đảm bảo an toàn tài sản

\* Phòng ngừa và phát hiện các gian lận và sai sót

\* Đảm bảo chính xác và đầy đủ hề sơ kế toán và chuẩn bị kịp thời các thông tin tài chính đáng tin cậy

**Hình 2. Mô hình mối liên hệ giữa KSNB với việc đạt được mục tiêu**

***(****Nguồn: mô hình của* William & Kwasi, (2013))

Các tác giả Varipin Mongkolsamai & Phapruke Ussahawanitchakit, (2012) khi nghiên cứu ảnh hưởng của chiến lược KSNB đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp niêm yết Thái Lan nhấn mạnh rằng: có bốn nhân tố tác động đến chiến lược KSNB, bao gồm: (1) Tầm nhìn điều hành minh bạch, (2) Kiến thức của nhân viên, (3) Sự đa dạng của các giao dịch kinh doanh, (4) Nhu cầu của các bên liên quan.

**Tầm nhìn điều hành minh bạch**

**Kiến thức của nhân viên**

**Sự đa dạng của các giao dịch kinh doanh**

**Nhu cầu của các bên liên quan**

**Chiến lược kiểm soát nội bộ**

- Môi trường kiểm soát

- Đánh giá rủi ro

- Hoạt động kiểm soát

- Hệ thống thông tin truyền thông

- Giám sát

**Hiệu quả hoạt động của tổ chức**

**Tư duy làm việc nhóm**

**Biến kiểm soát**

 - Số tuổi của công ty

- Quy mô của công ty

**Hình 3. Các nhân tố ảnh hưởng đến chiến lược KSNB**

*(Nguồn: Varipin Mongkolsamai & Phapruke Ussahawanitchakit, (2012))*

* *Nghiên cứu HTKSNB theo hướng kiểm toán độc lập và kiểm toán nội bộ*

 Trong lĩnh vực kiểm toán độc lập, các chuẩn mực kiểm toán Hoa Kỳ và chuẩn mực kiểm toán quốc tế cũng chuyển sang sử dụng báo cáo COSO làm nền tảng đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, bao gồm:

 - Chuẩn mực SAS 78 (1995): Xem xét KSNB trong kiểm toán báo cáo tài chính. Các định nghĩa, nhân tố của KSNB trong báo cáo COSO (1992) đã được trình bày vào chuẩn mực này.

 - Chuẩn mực SAS 94 (2001): Ảnh hưởng của công nghệ thông tin đến việc xem xét KSNB trong kiểm toán báo cáo tài chính

 - Chuẩn mực ISA 315 “Hiểu biết về tình hình kinh doanh, môi trường hoạt động đơn vị và đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu” đã yêu cầu kiểm toán viên cần có hiểu biết đầy đủ về KSNB và định nghĩa “HTKSNB là một quá trình do bộ máy quản lý, Ban giám đốc và các nhân viên của đơn vị chi phối, được thiết lập để cung cấp một sự đảm bảo hợp lý nhằm thực hiện ba mục tiêu: báo cáo tài chính đáng tin cậy, pháp luật và các quy định được tuân thủ, hoạt động hữu hiệu và hiệu quả. HTKSNB được thiết kế nhằm giảm thiểu những rủi ro kinh doanh có khả năng đe dọa đến việc đạt được những mục tiêu trên”.

 - Chuẩn mực ISA 265 “Thông báo về những khiếm khuyết của KSNB”: yêu cầu kiểm toán viên độc lập thông báo về các khiếm khuyết của KSNB do kiểm toán viên phát hiện được cho những người có trách nhiệm trong đơn vị.

Trong lĩnh vực kiểm toán nội bộ, một số công trình nghiên cứu cũng đề cập đến mối quan hệ giữa KSNB và kiểm toán nội bộ, điển hình là cuốn sách của các tác giả Victor Z.Brink và Herbert Witt (1941) về “Kiểm toán nội bộ hiện đại - đánh giá các hoạt động và hệ thống kiểm soát”. Ngoài ra, hiệp hội kiểm toán viên nội bộ (IIA) đã đưa ra định nghĩa và các mục tiêu KSNB bao gồm: độ tin cậy và tính trung thực của thông tin; tuân thủ các chính sách, kế hoạch, thủ tục, luật pháp và quy định; bảo vệ tài sản; sử dụng hiệu quả và kinh tế các nguồn lực; hoàn thành mục tiêu cho các hoạt động hoặc các chương trình.

Các tác giả Karagiogos, Drogalas, Dimou, (2014) khi nghiên cứu tính hiệu quả của HTKSNB trong ngành ngân hàng Hy Lạp đã cho rằng ở các ngân hàng đã tồn tại và thành công thì tất cả các thành phần của KSNB đóng góp vai trò rất quan trọng trong hiệu quả của kiểm toán nội bộ.

**Kiểm soát nội bộ**

\* Môi trường kiểm soát

\* Đánh giá rủi ro

\* Hoạt động kiểm soát

\* Hệ thống thông tin truyền thông

\* Giám sát

**Hiệu quả của kiểm toán nội bộ**

**Hình 4. Mối quan hệ giữa KSNB với hiệu quả KTNB**

***(****Nguồn: mô hình của Karagiogos, Drogalas, Dimou, (2014))*

* *Nghiên cứu tác động của HTKSNB tới giá trị của doanh nghiệp*

Các tác giảGe & McVay, (2005) khi thực hiện các nghiên cứu về hệ thống KSNB theo yêu cầu của đạo luật SOX đã chỉ ra rằng những điểm yếu trong HTKSNB có ảnh hưởng đến giá trị của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán. Các tác giả Shenkir & Walker, (2006) trong nghiên cứu của mình cho rằng có thể thực hiện hiệu quả đạo luật SOX, HTKSNB của doanh nghiệp phải bao gồm đầy đủ các yếu tố, dựa trên phân tích toàn diện các rủi của doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu này còn cho thấy rằng các công ty sẽ thu được ít lợi nhuận hơn các công ty khác khi công ty đó có nhiều nhược điểm về KSNB.

 Tác giả Doyle, (2005) trong nghiên cứu của mình cũng đã chứng minh rằng các doanh nghiệp sẽ có doanh thu thấp hơn nếu có yếu kém về KSNB. Ngoài ra, nghiên cứu này cũng cho rằng khi HTKSNB yếu kém thì nó sẽ có tác động tiêu cực đến hoạt động đầu tư vào doanh nghiệp khi BCTC của doanh nghiệp được công bố thông qua phản ứng của thị trường. Tác giả Hammersley, (2007) khi thực hiện khảo sát thực nghiệm đối với 102 công ty (báo cáo có các điểm yếu trong HTKSNB) nhận thấy rằng có sự sụt giảm niềm tin của nhà đầu tư trên thị trường đối với các công ty này. Tác giả cũng cho rằng HTKSNB yếu kém là nguyên nhân của sự sụt giảm thị giá cổ phiếu doanh nghiệp.

* *Nghiên cứu mối liên hệ giữa HTKSNB và chất lượng thông tin kế toán tài chính của các công ty niêm yết*

KSNB là công cụ hữu ích trong việc tạo ra BCTC chất lượng và các công ty sử dụng KSNB tự nguyện cho mục đích công bố thông tin tài chính. Nghiên cứu của tác giả J.Altamuro, (2010) khi điều tra ảnh hưởng của các thủ tục KSNB đối với việc lập BCTC của FDICIA trong thập niên 1990 cho rằng chất lượng BCTC trong lĩnh vực ngân hàng được gia tăng khi các đơn vị được tăng cường công tác KSNB để giám sát việc lập BCTC.

Bên cạnh đó, tác giả Angella.A, (2009) cho rằng những gian lận trong việc lập BCTC và những vụ bê bối kế toán ở tất cả các quốc gia thường liên quan đến tổ chức KSNB.

Năm 1987, trong kết quả nghiên cứu của uỷ ban tài trợ tại Mỹ đã chỉ ra rằng nguyên nhân hàng đầu dẫn đến những gian lận về thông tin tài chính của các công ty đó là sự vắng bóng hoặc yếu kém trong tổ chức KSNB.

Trong tổ chức KSNB, ban giám đốc là một thành phần quan trọng của bộ máy KSNB và công tác KSNB trong doanh nghiệp. Tác giả N.Klai, (2011) cho rằng có mối quan hệ giữa đặc điểm của ban giám đốc của công ty niêm yết và chất lượng thông tin kế toán tài chính của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán. Khi ban giám đốc công ty thực hiện hoạt động kiểm soát tốt sẽ cung cấp thông tin trung thực, chính xác cho những người quan tâm.

Theo tác giả DeFond (1991) cho rằng có mối liên hệ giữa chất lượng thông tin báo cáo tài chính và bộ phận kiểm toán nội bộ của các công ty niêm yết, một trong những yếu tố quan trọng của HTKSNB. Mặt khác tác giả còn cho rằng những công ty có BCTC phải công bố thường lại hiếm có bộ phận kiểm toán nội bộ.

***2. Các nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến sự hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ***

Năm 2009, các tác giả Angella Amudo & Eno L. Inanga đã thực hiện một nghiên cứu đánh giá HTKSNB từ Uganda. Nghiên cứu này được thực hiện trên các nước thành viên khu vực của ngân hàng phát triển Châu Phi. Nghiên cứu đã phát triển một mô hình chuẩn trong việc đánh giá HTKSNB trong các dự án khu vực công được Uganda tài trợ bởi ngân hàng phát triển Châu Phi. Mô hình thực nghiệm được Amudo và Inanga phát triển dựa vào khuôn khổ KSNB của COSO và COBIT, (như hình 1.5) bao gồm:

- Các biến độc lập là các thành phần của KSNB (bổ sung thêm biến công nghệ thông tin theo COBIT): (1) môi trường kiểm soát, (2) đánh giá rủi ro, (3) hệ thống thông tin truyền thông, (4) các hoạt động kiểm soát, (5) giám sát, (6) công nghệ thông tin.

- Biến phụ thuộc: sự hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ

- Biến điều tiết: ủy quyền, mối quan hệ cộng tác

 .

Môi trường kiểm soát

Đánh giá rủi ro

Hoạt động kiểm soát

Thông tin truyền thông

Giám sát

Công nghệ thông tin

Sự hữu hiệu của hệ thống KSNB

Ủy quyền

Mối quan hệ cộng tác

**Hình 5. Các nhân tố tác động đến sự hữu hiệu của HTKSNB**

*(Nguồn: mô hình của Angella & Eno L. Inanga (2009))*

Kết quả của nghiên cứu cho thấy sự thiếu hụt một số thành phần của KSNB dẫn đến kết quả vận hành của HTKSNB chưa đạt được sự hữu hiệu.

Tuy nhiên, các tác giả nghiên cứu cũng nêu rõ kết quả này chỉ mới điều tra ở Uganda. Việc áp dụng kết quả nghiên cứu tùy thuộc vào hoàn cảnh và đặc điểm của từng quốc gia cụ thể. Kết quả nghiên cứu sẽ có biến đổi nếu được áp dụng vào các quốc gia có khác biệt về hoàn cảnh và đặc điểm tương ứng.

Nghiên cứu thực nghiệm của các tác giả Sultana và Haque (2011) từ 6 ngân hàng tư nhân niêm yết ở Bangladesh cho rằng để xác định khả năng đảm bảo hoạt động của đơn vị phù hợp với mục tiêu đề ra thì cần đánh giá cấu trúc kiểm soát nội bộ trong một đơn vị. Nghiên cứu phát triển mô hình từ khuôn khổ về KSNB theo báo cáo COSO (hình 1.6) như sau:

 - Các biến độc lập là các thành phần của KSNB : (1) môi trường kiểm soát, (2) đánh giá rủi ro, (3) hệ thống thông tin truyền thông, (4) các hoạt động kiểm soát, (5) giám sát.

- Biến phụ thuộc: sự hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ

- Biến điều tiết: ủy quyền, mối quan hệ cộng tác

Môi trường kiểm soát

Đánh giá rủi ro

Hoạt động kiểm soát

Thông tin truyền thông

Giám sát

Sự hữu hiệu của hệ thống KSNB

Ủy quyền

Mối quan hệ cộng tác

**Hình 6. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hữu hiệu của HTKSNB**

*(Nguồn: Mô hình của Sultana & Haque (2011))*

Kết quả nghiên cứu này chỉ ra rằng mô hình trên thực sự có ý nghĩa khi các biến độc lập có mối quan hệ với từng mục tiêu kiểm soát của các ngân hàng, cụ thể từng thành phần trong HTKSNB (biến độc lập) hoạt động tốt sẽ đảm bảo hợp lý các mục tiêu kiểm soát và vì thế đảm bảo sự hữu hiệu của HTKSNB. (Sultana & Haque, 2011).

Tác giả Gamage và cộng sự (2014) khi nghiên cứu sự hữu hiệu của HTKSNB trong 2 NHTM nhà nước và 64 chi nhánh của 2 ngân hàng này tại Srilanka cũng sử dụng mô hình nghiên cứu như trên nhưng bỏ qua các biến điều tiết. Kết quả của nghiên cứu của tác giả chỉ ra rằng, có sự tác động cùng chiều của các biến độc lập bao gồm: môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, thông tin truyền thông, các hoạt động kiểm soát, giám sát đến biến phụ thuộc là sự hữu hiệu của HTKSNB.

**Bảng 1. Tổng hợp kết quả của các nghiên cứu trước về sự hữu hiệu của HTKSNB**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tác giả** | **Đối tượng nghiên cứu** | **Các biến** | **Mô hình sử dụng** | **Kết quả tác động** |
| Amudo & Inanga(2009) | HTKSNB trong các dự án khu vực công được Uganda tài trợ bởi Ngân hàng Phát triển Châu Phi (2003 -2007) | - Biến phụ thuộc: Sự hữu hiêụ của HTKSNB- Biến độc lập: Môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, thông tin và truyền thông, các hoạt động kiểm soát, giám sát, công nghệ thông tin- Biến điều tiết: ủy quyền, mối quan hệ cộng tác. | Dữ liệu bảng | Một số thành phần của HTKSNB bị khiếm khuyết nên dẫn đến sự vận hành của HTKSNB chưa hữu hiệu. |
| Sultana & Haque(2011) | HTKSNB của 6 ngân hàng tư nhân niêm yết của Bangladesh | - Biến phụ thuộc: Sự hữu hiệu của HTKSNB- Biến độc lập: Môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, thông tin và truyền thông, các hoạt động kiểm soát, giám sát.- Biến điều tiết: ủy quyền, mối quan hệ cộng tác. | Dữ liệu bảng | Các thành phần trong HTKSNB hoạt động tốt thì sẽ cung cấp sự đảm bảo hợp lý các mục tiêu kiểm soát, đảm bảo sự hữu hiệu của HTKSNB. |
| Gamage & Kevin Low Lock & Fernando(2014) | HTKSNB của 2 ngân hàng thương mại nhà nước và 64 chi nhánh của các ngân hàng ở Srilanka | - Biến phụ thuộc: Sự hữu hiệu của HTKSNB- Biến độc lập: Môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, thông tin và truyền thông, các hoạt động kiểm soát, giám sát. | Dữ liệu bảng và phân tích hồi quy đa biến với SPSS | Có sự tác động cùng chiều của các biến độc lập đến biến phụ thuộc. |

*(Nguồn: Tác giả tự tổng hợp từ các nghiên cứu)*

**Bảng 2. Định nghĩa và đo lường các biến của các nghiên cứu trước**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Biến** | **Tác giả** | **Định nghĩa** | **Đo lường** |
| Môi trường kiểm soát(Biến độc lập) | Millichamp (2002), Amudo & Inanga (2009),Ofori (2011), Dougles (2011), Sultana & Haque (2011)Gamage & Kevin Low Lock & Fernando (2014) | Môi trường kiểm soát được định nghĩa là nền tảng ý thức, là văn hóa của tổ chức, phản ánh sắc thái chung của một tổ chức, tác động đến ý thức kiểm soát của toàn bộ thành viên trong tổ chức | - Triết lý quản lý và phong cách điều hành của nhà quản lý- Tính trung thực và các giá trị đạo đức của Ban lãnh đạo và nhân viên- Cam kết về năng lực của Ban lãnh đạo và nhân viên- Cơ cấu tổ chức - Chính sách nhân sự  |
| Đánh giá rủi ro (Biến độc lập) | Millichamp (2002), Amudo & Inanga (2009),Ofori (2011), Dougles (2011), Sultana & Haque (2011)Gamage & Kevin Low Lock & Fernando (2014) | Đánh giá rủi ro được định nghĩa là việc nhận dạng, phân tích và quản lý các rủi ro có thể đe dọa đến việc đạt được các mục tiêu của tổ chức | - Xác định các mục tiêu- Nhận dạng các rủi ro- Phân tích các rủi ro- Đánh giá các rủi ro - Quản trị rủi ro |
| Các hoạt động kiểm soát (Biến độc lập) | Millichamp (2002), Amudo & Inanga (2009),Ofori (2011), Dougles (2011), Sultana & Haque (2011)Gamage & Kevin Low Lock & Fernando (2014) | Các hoạt động kiểm soát được định nghĩa là tập hợp những chính sách, thủ tục kiểm soát để đảm bảo cho các chỉ thị của nhà quản lý được thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu | - Soát xét của các nhà quản lý cấp cao- Soát xét của các nhà quản lý cấp trung gian- Phân chia trách nhiệm hợp lý giữa các chức năng - Kiểm soát quá trình xử lý thông tin - Kiểm soát vật chất  |
| Thông tin và truyền thông (Biến độc lập) | Millichamp (2002), Amudo & Inanga (2009),Ofori (2011), Dougles (2011), Sultana & Haque (2011)Gamage & Kevin Low Lock & Fernando (2014) | Thông tin và truyền thông được định nghĩa là các thông tin hổ trợ cho việc điều hành, kiểm soát và cách thức truyền thông trong tổ chức | - Thông tin được cung cấp chính xác- Thông tin được cung cấp thích hợp- Thông tin được cung cấp kịp thời - Thông tin được cập nhật liên tục- Công tác truyền thông bên trong nội bộ- Công tác truyền thông ra bên ngoài. |
| **Biến** | **Tác giả** | **Định nghĩa** | **Đo lường** |
| Giám sát (Biến độc lập) | Millichamp (2002), Amudo & Inanga (2009),Ofori (2011), Dougles (2011), Sultana & Haque (2011)Gamage & Kevin Low Lock & Fernando (2014) | Giám sát được định nghĩa là quá trình đánh giá chất lượng của HTKSNB theo thời gian | - Giám sát thường xuyên- Giám sát định kỳ- Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của kiểm toán viên độc lập |
| Sự hữu hiệu của HTKSNB(Biến phụ thuộc) | Millichamp (2002), Amudo & Inanga (2009),Ofori (2011), Dougles (2011), Sultana & Haque (2011)Gamage & Kevin Low Lock & Fernando (2014) |  | - Hiệu quả và hiệu năng của các hoạt động- Báo cáo tài chính có độ tin cậy- Tuân thủ pháp luật và các quy định |

(*Nguồn: Tác giả tự tổng hợp từ các nghiên cứu trước*)

Ngoài các nghiên cứu nói trên, còn có các nghiên cứu những tác động của từng thành phần trong HTKSNB đến tính hữu hiệu của HTKSNB. Các nghiên cứu tiêu biểu là:

* **Nghiên cứu về môi trường kiểm soát**

Môi trường kiểm soát được cho là một một yếu tố quan trọng trong HTKSNB của đơn vị, môi trường kiểm soát cấu thành văn hóa của một đơn vị, nó có tác động đến ý thức kiểm soát của mọi thành viên trong đơn vị, là yếu tố hạt nhân cho các yếu tố khác của HTKSNB (Ramos, 2004). Tác giả Ramos cũng cho rằng môi trường kiểm soát được cấu thành từ nhiều nhân tố, bao gồm: yếu tố văn hóa doanh nghiệp, yếu tố phân cấp quyền lực, yếu tố chất lượng của các ủy ban kiểm toán, yếu tố tính liêm chính và đạo đức (D"Aquyla, 1998 & Ramos, 2004).

Theo tác giả Rae & Subramaniam (2006), con người là nhân tố cốt lõi các tổ chức vì họ chính là nhân tố điều khiển tổ chức. Các tác giả này nhận định rằng các thuộc tính cá nhân của con người như: tính liêm chính, các giá trị đạo đức, thẩm quyền là yếu tố quyết định sự thành công hay thất bại của tổ chức.

Tác giả Subramaniam và cộng sự (2006) đã nêu ra các yếu tố thuộc môi trường kiểm soát bao gồm: yếu tố tính liêm chính và các giá trị đạo đức; yếu tố thẩm quyền của con người trong tổ chức; yếu tố triết lý lãnh đạo và phong cách điều hành; yếu tố cách thức nhà quản lý giao quyền hạn, trách nhiệm, tổ chức và phát triển con người. Ngoài ra, Subramaniam và cộng sự, (2006) còn nhận định rằng: “giá trị tổ chức không thể vượt lên trên tính liêm chính và đạo đức của những người sáng lập, điều hành và giám sát họ”.

* **Nghiên cứu về đánh giá rủi ro**

Tác giả Lannoye (1999) trong nghiên cứu của mình cho rằng mỗi một doanh nghiệp có một phương pháp giải quyết vấn đề khác nhau nhưng các phương pháp đó phải được thiết kế sao cho có thể quản lý rủi ro thông qua sự đảm bảo hợp lý và xem xét cân đối giữa chi phí và lợi ích. Tác giả Walker (1999) muốn ngăn chặn hoặc giảm thiểu rủi ro nhà quản lý cần quản lý rủi ro khi có sự thay đổi xảy ra. Các đề xuất thay đổi về quản trị rủi ro trong đơn vị phải được nhà quản lý thông báo đến nhân viên phụ trách trực tiếp. Các nguy cơ có thể tạo ra những rủi ro mới phải được nhà quản lý giám sát liên tục.

Ngoài ra, cũng theo tác giả Lannoye (1999) cho rằng đánh giá rủi ro còn là đánh giá các yếu tố gây cản trở đến việc doanh nghiệp đạt được sứ mệnh của đơn vị mình. Đánh giá rủi ro còn là một quá trình đánh giá có hệ thống về các bất lợi phát sinh, đánh giá khả năng thiệt hại có thể có của đơn vị trong hoạt động tài chính và phi tài chính. Muốn đánh giá rủi ro thì bắt buộc các đơn vị phải có hệ thống mục tiêu rõ ràng, phù hợp. Các công việc để đánh giá rủi ro bao gồm: xác định rủi ro; phân tích rủi ro; ước tính những nguy cơ có thể có; đánh giá tần suất xảy ra các nguy cơ; cách thức để quản lý rủi ro.

* ***Nghiên cứu về thông tin và truyền thông***

Các tác giả Steihoff (2001) và Hevesi ( 2005) trong khi nghiên cứu về thông tin và truyền thông đã cho rằng nó là yếu tố quan trọng có tác động đến tính hữu hiệu của HTKSNB. Tất cả các thông tin được truyền đạt từ trên xuống về các kế hoạch, các rủi ro và hoạt động kiểm soát áp dụng trong đơn vị. Thông tin từ bên trong các bên ngoài đơn vị phải được kiểm định tính tin cậy, sau đó được các bộ phận chức năng xử lý và thông báo một cách kịp thời. Thông tin sau khi được sự cho phép của ban quản trị sẽ được truyền thông tới các bộ phận và cá nhân để thực hiện chức năng của mình. Thông tin và truyền thông giúp các nhân viên nhận thấy được chức năng và vai trò của mình trong HTKSNB. Các đơn vị phải chuẩn bị các BCTC và báo cáo nội bộ chính xác để nhà quản lý có thông tin trong các quyết định của mình một cách kịp thời. Vì vậy, đơn vị phải xây dựng bản mô tả công việc cho tất cả bộ phận, cá nhân trong đơn vị để cung cấp các thông tin cần thiết khi có yêu cầu từ nhà quản lý.

* **Nghiên cứu các hoạt động kiểm soát**

Nghiên cứu của tác giả Jenkinson (2008) cho rằng để đạt được các mục tiêu của đơn vị một cách hiệu quả thì các hoạt động kiểm soát phải được thiết lập và thực thi. Hoạt động kiểm soát được định nghĩa là các chính sách và thủ tục mà nhà quản lý thiết kế ra để đảm bảo rằng các chỉ thị của nhà quản lý được thực hiện một cách triệt để. Các hoạt động kiểm soát bao gồm: hoạt động phê duyệt, hoạt động ủy quyền, hoạt động xác minh, hoạt động đối chiếu, hoạt động đánh giá hiệu suất hoạt động, hoạt động phân công nhiệm vụ...

Nghiên cứu của tác giả Ramos (2004) chỉ ra rằng để kiểm tra tính chính xác và đầy đủ của thông tin cũng như sự ủy quyền của các giao dịch thì một loạt các hoạt động kiểm soát cần phải được thực hiện. Tổ chức cần kiểm soát việc phát triển các hệ thống mới và những thay đổi của hệ thống đã tồn tại trước đó. Ngoài ra, đơn vị cần có quy định hạn chế việc tiếp cận với các chương trình và dữ liệu. Đơn vị cần đảm bảo công tác kiểm soát vật chất bao gồm: kiểm soát các thiết bị, hàng tồn kho, chứng khoán, tiền mặt và các tài sản khác.

* **Nghiên cứu về giám sát**

 Nhân tố giám sát được coi là một nhân tố quan trọng nhất của HTKSNB trong bất kỳ đơn vị nào. Nghiên cứu của tác giả Springer (2004) cho rằng giám sát là công việc đánh giá hiệu suất của HTKSNB. Nó được các bộ phận liên quan thực hiện một cách liên tục và độc lập. Thực hiện công tác giám sát là để đảm bảo rằng các công việc của KSNB đều được tiến hành đúng đắn, đầy đủ và hiệu quả như thiết kế ban đầu.

 Giám sát là công việc thường xuyên để khẳng định rằng các thủ tục kiểm soát được thực hiện theo đúng yêu cầu đề ra (Muhota, 2005). Nhằm đảm bảo tính chính xác của các giao dịch được thể hiện trong báo cáo tài chính về giám sát các khoản vay, các công cụ giám sát được sử dụng nhiều trong các tổ chức là: đối chiếu, kiểm tra nội bộ và kiểm toán (Diamond, 1984). HTKSNB cần phải được theo dõi, đánh giá chất lượng hoạt động theo thời gian. Để thực hiện điều này thì đơn vị sử dụng các hoạt động giám sát liên tục, đánh giá riêng biệt hay sử dụng phương thức kết hợp hai hoạt động trên. Một hệ thống giám sát tốt thì phải chỉ ra những thiếu sót của KSNB còn mắc phải và phản hồi cho các nhà quản trị cấp cao để có những biện pháp điều chỉnh kịp thời (Calomiris & Khan,1991).

* **Nghiên cứu về thể chế chính trị**

Theo kết quả từ các nghiên cứu của Zingales (1998), Beck và các cộng sự (2003) thì yếu tố thể chế chính trị có ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển tài chính. Các tác giả Kaufmann & cộng sự (2009) trong nghiên cứu của mình đã thiết lập các yếu tố phản ánh thể chế chính trị của một quốc gia bao gồm: yếu tố chất lượng điều tiết, yếu tố ổn định chính trị, yếu tố hiệu quả chính quyền, yếu tố trách nhiệm giải trình chính sách và yếu tố kiểm soát tham nhũng. Các chỉ tiêu được nhóm tác giả sử dụng để phản ánh nhân tố thể chế chính trị đã được tính toán, công bố và cập nhật hàng năm bởi tổ chức ngân hàng thế giới. Nghiên cứu của các tác giả Kenjegalieva & Simper (2011) chỉ ra rằng ngoài các yếu tố kinh tế vĩ mô thì mức độ tham nhũng ở các cơ quan công quyền và hiệu quả thấp của bộ máy hành pháp ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả hoạt động của các ngân hàng.

* **Nghiên cứu về lợi ích nhóm**

Tác giả Rawls, J.A (1971) khi nghiên cứu về lợi ích nhóm đã nhận định rằng một thể chế chính trị được coi là hoàn thiện khi có hệ thống luật pháp đầy đủ, tạo ra thế đối lập giữa các nhóm lợi ích trong thể chế đó và chủ động tạo cơ chế đề kháng thông qua các quá trình tự cải thiện, liên tục đổi mới, đồng thời chia sẽ quyền lực cho các thành phần khác nhau của bộ máy chính quyền để họ tự giám sát và điều chỉnh cân bằng quyền lực trong thể chế đó.

Nghiên cứu của tác giả Frank Scarpatti (1977) chỉ ra rằng các lợi ích nhóm vừa có ảnh hưởng tích cực vừa có ảnh hưởng tiêu cực. Nhiệm vụ của chúng ta là phải tiếp tục thiết lập, hiện đại hóa cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước, tạo ra một thể chế mà ở đó nó sẽ khuyến khích tối đa ảnh hưởng tích cực của lợi ích nhóm, đồng thời làm giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của lợi ích nhóm.

Nghiên cứu của các tác giả Allan J.Cigler & Burdett A. Loomis (1995) chỉ ra rằng từ lợi ích nhóm hình thành nên các nhóm lợi ích. Xã hội chúng ta là tập hợp một hệ thống các lợi ích phức tạp, các lợi ích trong từng nhóm, hoặc giữa các nhóm khác nhau luôn luôn tương tác trong trạng thái cạnh tranh liên tục để có thể nắm giữ được quyền sở hữu, quyền phân phối nguồn lực công và quyền được tham gia vào quá trình định hình, xây dựng chính sách nhằm mục đích mang lại lợi ích cao nhất cho nhóm của mình. Không thể nào tồn tại các nhóm đứng ngoài lợi ích. Số lượng nhóm lợi ích được quy định và giới hạn bởi chỉ số lợi ích.

**Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hữu hiệu của HTKSNB**

**Các nghiên cứu về HTKSNB**

**(Theo các nghiên cứu ở nước ngoài)**

**Môi trường kiểm soát**

- D'Aquyla, (1998)

- Lannoye, (1999)

- Angella Amudo&Eno L.Inanga, (2002)

**-** Ramos, (2004)

- Hevesi, (2005)

- Rae & Subramaniam, (2006)

- Subramaniam et al, (2006)

- DiNapoli, (2007)

- Kaplan, (2008)

- Ofoni, (2011)

- Sultana&Haque., (2011)

**Đánh giá rủi ro**

- Lannoye, (1999)

- Angella Amudo&Eno L.Inanga, (2002)

- Heald, (2003)

- DiNapoli, (2007)

- Karagiorgos *et al.*, (2009)

- Ofoni, (2011)

- Dougles, (2011)

- Sultana&Haque., (2011)

**Thông tin và truyền thông**

- Aldridre and Colbert, (1994)

**-** Angella Amudo&Eno L.Inanga, (2002)

- Robert & Abbie, (2003)

- DiNapoli, (2007)

- Sultana&Haque., (2011)

**Các hoạt động kiểm soát**

- Laura, (2002)

- Angella Amudo&Eno L.Inanga, (2002)

- Ramos, (2004)

- Hevesi, (2005)

- Jenkinson, (2008)

- Kaplan, (2008)

- Sultana&Haque., (2011)

**Giám sát**

- Rezaee *et al.*, (2001)

- Angella Amudo&Eno L.Inanga, (2002)

- Spinger, (2004)

- DiNapoli, (2007)

- Kaplan, (2008)

- Sultana&Haque., (2011)

**Nghiên cứu HTKSNB theo hướng quản trị**

- Merchant, K.A (1985)

- Anthonny, R.N và Dearden, J.Bedford (1989)

- Laura F.Spira và Micheal Page (2002)

- Yuan Li, Yi Liu, Younggbin Zhao (2006)

- Mawanda, (2008)

- Varipin Mongkolsamai & Phapruke Ussahawanitchakit, (2012)

- William & Kwasi, (2013)

**Mối quan hệ giữa KSNB với giá trị DN**

- Ge & McVay, (2005)

- Doyle, (2005)

- Shenkir & Walker (2006)

- Hammersley, (2007)

**Mối quan hệ giữa KSNB với chất lượng thông tin kế toán của các các công ty niêm yết**

- DeFond (1991)

- Angella.A, (2009)

- J.Altamuro, (2010)

- N.Klai (2011)

**Các nghiên cứu khác**

**Nghiên cứu HTKSNB theo hướng kiểm toán độc lập và kiểm toán nội bộ**

**-** Victor Z.Brink và Herbert Witt (1941)

**-** Karagiogos, Drogalas, Dimou, (2014)

**Thể chế chính trị**

- Zingales (1998)

- Beck và các cộng sự (2003)

- Kaufmann & cộng sự (2009)

- Kenjegalieva &Simper (2011)

**Lợi ích nhóm**

- Rawls, J.A (1971)

- Frank Scarpatti (1977)

- Allan J.Cigler & Burdett A. Loomis (1995)

**Hình 7. Tổng hợp các nghiên cứu ngoài nước có liên quan đến HTKSNB**

*(Nguồn: Tác giả tự tổng hợp)*

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Ahmad, Kamilah & Mohamed Zabri, Shafie, (2015). Factors explaining the use of management accounting practices in Malaysian medium-sized firms. *Journal of Small Business and Enterprise Development 22*. 4 (2015): 762-781.
2. Allan J.Cigler and Burdett A.Loomis, (1995). *Interest Group Politisc,* Congressional Quarterly Presss: 89.
3. Anderson N. , (1981). *Foundations in Integration Theory*. Academic Press. New York.
4. Angella Amudo, Eno L. Inanga, (2009). Evaluation of Internal Control Systems: A Case Study from Uganda, *International Research Journal of Finance and Economics*, 27:125-144.
5. Anthony, R.N; Dear, J. and Bedford, N.M, (1989). *Management Control System*, Irwin, Homewood, IL
6. Ashbaugh-Skaife, H., Collins, D. W., Kinney, W. R., & LaFond, R., (2008). The effect of SOX internal control deficiencies and their remediation on accrual quality. *The Accounting Review* *, 83* (1): 217-250.
7. Baleet,J.et De Bry F., (2001). *L’entreprise et l’éthique*. Paris Editions du Seuil, p437.
8. Basel Bank Committee of Supervision, (2003). *Enhancing Corporate Governance for Banking Organizations.*
9. Basel committee of Supervision, (1998). *Framework for internal control systems in Banking organization*
10. Beck T., A. Demirguc-Kunt and R. Levine, (2003). Law, Endownment and Finance, *Journal of Financial Economics*, 70:137-181.
11. Beneish, M. D., Billings, M. B., & Hodder, L. D. , (2008). Internal control weaknesses and information uncertainty. *The Accounting Review* *, 83* (3): 665-703.
12. Bollen, K. , (1989). *Structural Equations with Latent Variables*, New York,: John Wiley & Sons, Inc.
13. C.T.Gamage and AAJ Fernando, (2014). Effectiveness of internal control system in state commercial banks in Sri Lanka, *International Journal of Scientific Research and Innovative Technology*, Vol. 1 No. 5: 25-44.
14. Cadbury Committee, (1992). *Report of the committee on the financial aspects of corporate governance.* London: Gee and Company Ltd.
15. Calomiris, C. W. & Kahn, C. M. (1991). The Role of demandable debt in structuring optimal bank arrangements, *American economic Review*, 81(3): 497 -513.
16. Canadian Institute of Chartered Accountants (CICA) – Criteria of Control (1994). CoCo – *An Overview*. CICA. [<www.cica.ca](http://www.cica.ca)>.
17. COBIT, (2007). *Internal Control Framework* [pdf]*. Available at:* <http://www.isaca.org/AMTemplate.cfm?Section=Downloads&Template=/ContentManagement/ContentDisplay.cfm&ContentID=34172>.[Accessed21 July 2007].
18. Cochran, W. , (1997). *Sampling Techniques*, New York: John Wiley & Sons Inc.
19. Committee of Sponsoring Organisations of the Treadway Commission (COSO). (1992). *Internal control-integrated framework*. New York, NY: AICPA.
20. Cornet, Guo, Khaksari & Tehranian, (2005). The impact of state ownership on performance differences in private – owned versus state–owned banks: An international comparision. *Journal of Finacial Intermediation*, 19: 74-94.
21. COSO, (2004). *Enterprise Risk Management-Integrate Framework-Excutive Summary Framework*, September 2004.
22. COSO, (2013). *The 2013* Internal Control–Integrated Framework.
23. COSO, (2013). *The 2013 COSO Framework & SOX Compliance: One Approach to an Effective Transition*
24. Creswell JW, (2003). Research Design: Qualitative, Quantitative and Mixed Methods Approaches, 2nded, Thousand Oaks CA: Sage.
25. Creswell JW and Clark WL, (2007). Designing and Conducting Mixed Methods Research, Thousand Oaks CA, Sage.
26. D‟Aquila, J. M., (1998). *Is the control environment related to financial reporting decisions?* Hagan School of Business, New York. NY.
27. DeFond, M., Jiambalvo, (1991). Incidence and circustances of accounting errors. *The Accounting Review*, 66: 643-655.
28. Diamond, D. W., (1984). Financial Intermediation and delegated monitoring. *Review of economic Studies,* LTD: 393-414.
29. DiNapoli, T. P. , (2007). *Standards for Internal Control In New York State Government*.
30. Don Hellriegel và Jonn W.Slocum (1986), Management, 4th ­ Ed. Addison-Wesley Publishing company, trang 58
31. Douglas NK, (2011). *Internal control and its contributions to organizational efficiency and effectiveness: A case study of Ecobank Ghana limited [pdf]. Available at* <http://ir.knust.edu.gh/handle/123456789/4210>.
32. Doyle, J., Ge, W., & McVay, S, (2005). *Accruals quality and internal control over financial reporting*, Working paper, Utah State University.
33. Doyle, J., Ge, W., & McVay, S., (2007). Determinants of weaknesses in internal control over financial reporting. *Journal of Accounting and Economics* *,* 44: 193-223.
34. Doyle, J., Ge, W., & McVay, S., (2007). Accruals quality and internal control over financial reporting. *The Accounting Review* *, 82* (5): 1141-1170.
35. Draft, Public Exposure, (2012). *Draft for public Exposure*, December 2011.
36. Ernst & Young, (2003). *An evaluation of internal control: Considerations for evaluating internal control at the entity level*. Ernst &Young SCORE Retrieval File No. EE0677.
37. Exposure, Public, and Feedback Question, (2012). *Internal control – Integrate Framword Public Exposure Feedback Question*, December 2011.
38. Ferreira, A. & Otley, D. , 2005. The design and use of management control systems: an extended framework for analysis. AAA 2006 Management AccountingSection(MAS)Meeting http://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract\_id=682984 (truy cập 14/6/ 2016).
39. Frank Scarpatti, (1977). *Social Problems,* Dreyden Press USA, p.632.
40. Freeman, R,R, (1984). *Strategic management: a stakeholder approach*, Boston, Pitman.
41. Ge, W., & McVay, S., (2005). The disclosure of material weaknesses in internal control after the Sarbanes-Oxley Act. *Accounting Horizons* *, 19* (3): 137-158.
42. Hair, J.F., Black, W.C., Tatham, R.L., & Anderson, R.E., (2010). *Multivariate Data Analysis*, 5th ed. NJ, USA: Prentice-Hall
43. Hammersley, J. S., Myers, L. A., & Shakespeare, C., (2008). Market reactions to the disclosure of internal control weaknesses and to the characteristics of those weaknesses under Section 302 of the Sarbanes Oxley Act of 2002. *Review of Accounting Studies* *,* 13 (1): 141-165.
44. Henri Fayol, (1949). *General and Industrial Management*, Pitman Publishing, New York.
45. Hevesi G., (2005). *Internal Control Standards in New York States Government* . Available at

<www.osc.ny.us/audit/control/standards.htm2009june6>.

1. Hurley, D. A., & Boyd, D. ,Summer, (2007). Sarbanes-Oxley Act Section 404: Effective internal controls or overriding internal controls? Forensic Examiner, 16(2). Available at: <<http://www.theforensicexamer.com>>.
2. International Good Practice Guidance, (2012). *Evaluating and Improving Internal Control in Organizations*.
3. J.Altamuro., A. B., (2010). How does internal control regulation affect financial reporting?, *Journal of Accounting & Economics,* 49:58-74.
4. Jenkinson, N. , (2008). *Strengthening Regimes for Controlling Liquidity Risks: Some Lesso ns from the Recent Turmoil*.
5. Jensen, M. C. & Meckling, W. H., (1976). Theory of the firm Managerial behaviour, agency costs and ownership structure. *Journal of Financial Economics*, 3: 305-369.
6. Joseph M. Onumah, Ransome Kuipo, Victoria A. Obeng, (2012). Effectiveness of Internal Control Systems of Listed Firms in Ghana, *Accounting in Africa*. Published online: 2012: 31-49. <[http://dx.doi.org/10.1108/S1479-3563(2012)000012A006](http://dx.doi.org/10.1108/S1479-3563%282012%29000012A006)>.
7. Kaufmann, D., Kraay, A. & Mastruzzi, M. , (2009). *Governance matters VIII: Aggregate and individual governance indicators 1996-2008*, World bank policy research, working paper 4280.
8. Kenjegalieva, A & Simper, R. , (2011). Aproductivity analysic of Central and Eastern European banking taking into acount risk decomposition and environmental variables, *Research in International Business and Finance*, 25 (1): 26-38.
9. Kopp, Lori S. and O’Donnell, Ed. , (2005). The Influence of a Business-process Focus on Category Knowledge and Internal Control Evaluation. *Accounting, Organizations and Society*, 30:423–434.
10. King, N., (2004). Using Templates in the Thematic Analysis of Text. In C. Cassell, & G. Symon, *Essential Guide to Qualitative Methods in Organizational Research* (pp. 256-270). London: Sage.
11. Lannoye .M.A, (1999). *Evaluation of internal Controls*. <www.michighan.gov/documents/gf\_master1\_26775\_7.pdf>. [Retrieved in, set, 2009].
12. Laura F.Spira & Micheal Page, (2002). *The Turnbull report, internal control and risk management: The developing role of internal audit*, The Institute of Chartered Accountants of Scotland.
13. Leone, Andrew J., (2007). Factors Related to Internal Control Disclosure: A Discussion of Ashbaugh, Collins, and Kinney (2007) and Doyle, Ge, and McVay (2007). *Journal of Accounting and Economics*, 44:224–237.
14. Lu, H., Richardson, G., & Salterio, S., (2009). *Direct and indirect effects of internal control weaknesses and external audit effort on accruals quality: Evidence from a unique Canadian regulatory setting*. Working paper*,* University of Toronto and Queen's University.
15. Merchant, K.A, (1985). *Control in Business organization*, Piman, Boston, MA
16. Messier W.F., (1997). *Auditing a Systematic approach*, McGraw Hill Company, USA
17. Michael C. Jensen (1976), William H. Meckling, 1976. *Theory of the Firm: Managerial Behavior, Agency Costs and Ownership Struture*.
18. Millichamp, A.H, (2002). *Auditing*, The Bath Press, Bath Eighth edition, 80-150, 349-355.
19. Miles, B. M., & Huberman, M. A. (1994). *Data management and analysis methods.* Thousand Oaks, CA, US: Sage Publications.
20. Miyajima, Kuroki, (2006). *The unwiding of cross – shareholding in Japan: Causes, Effects and Implications*; Paper presented at RIETI, Hitotsubashi University.
21. Muhota K. , (2005). *Check list for an internal Audit.Giving Hope to World of Need*. USA.
22. N.Klai, A. O. , (2011). Corporate Governance and Financial Reporting Quality: The Case of Tunisian Firms. *International Business Research*, Vol.4, No.1: 158-166.
23. Numally & Burnstein, (1994). *Psychometric Theory*, 3rd ed,New York: McGraw-Hill
24. Ofori W, (2011). *Effectiveness of Internal Control System: A perception or Reality*. Available at

<http://ir.knust.edu.gh/bitstream/123456789/4435/1/WILLIAM%20OFORI%20FINAL%20THESIS%202011.pdf> [Access on 25.05.2014].

1. O'Leary, Conor; Iselin, Errol; Sharma, Divesh, (2006). The Relative Effects of Elements of Internal Control on Auditors' Evaluations of Internal Control**,** *Pacific Accounting Review,* Vol 18, 2: 68-96.
2. Otley, D. ,1980. The contingency theory of management accounting: achievement and prognosis. *Accounting, Organizations and Society*, Vol. 5 No. 4, pp. 413-428.
3. Palfi C and Muresan M , (2009). Survey on Weaknesses of Banks’ Internal Control Systems, *Journal of International Finance and Economics*, Vol. 9, No. 1: 106-116.
4. Rae, K. & Subramaniam, N., (2006). *The Relationship between Internal Control Procedural Quality, Organizational Justice Perceptions and Employee Fraud*.
5. Rae, Kirsty and Subramaniam, Nava, (2008). Quality of Internal Control Procedures: Antecedents and Moderating Effect on Organizational Justice and Employee Fraud. *Managerial Auditing Journal*, 23(2):104-124.
6. Rajan, R. G. and L. Zingales, (1998). Financial Dependence and Growth. *American Economic Review*, 88 (6):559-586.
7. Ramos, M. , (2004). *Evaluate the Control Environment*: Documentation Is Only a Start; Now it‟s All about Asking Questions*. Journal of Accounting,* vol. 197, 2004.
8. Rawls, J.A, (1971). *Theory of justice*, N.Y: 60.
9. Rober R Moeller, (2009). *Brinhk’s Modern Internal Auditing* – Sixth Edition, John Wiley & Sons, Inc.
10. Rober R Moeller, (2009). *Brinhk’s Modern Internal Auditing* – Sixth Edition, John Wiley & Sons, Inc
11. SEC, (2009). *Study of the Sarbanes-Oxley Act of 2002 Section 404 internal control over financial reporting requirements.*
12. Shenkir, W.G., and P.L. Walker, (2006). *Implementing Enterprise Risk Management,* Statement on Management Accounting, Institute of Management Accountants.
13. Simmons M.R. , (1995). *The framework for Internal Control : A strategic approach to internal audit*. Available at <[http://www.facilitatedcontrols.com/internalaudit/cosobsic.htm>. [Accessed on 14.06.2013](http://www.facilitatedcontrols.com/internalaudit/cosobsic.htm%3E.%20%20%5BAccessed%20on%2014.06.2013)].
14. Spinger. L.M , (2004). Revisions to OMB Circular A-123, *Management’s Responsibility for Internal Control*. Available at <http://www.whitehouse.gov/omb/index.html>.
15. Steven J.Root, (2000). *Beyond COSO: Internal Control to Enchance Corporate Governance*, John Wiley & Sons, INC.
16. Sultana R and Haque M. E., (2011). Evaluation of Internal Control Structure: Evidence from Six Listed Banks in Bangladesh, *ASA University Review*, Vol. 5 No. 1.
17. Thomas, Clive S. (ed.), (1993). *First World Interest Groups, A Comparative Perspective*, Westport: Greenwood Press.
18. Turnbull Committee, (1999). *Internal control: Guidance for directors on the combined code.* Working Party of the Committee on Corporate Governance, ICAEW, London.
19. Vanasco,R.,(1999). The foreign corrupt practices act: An international perspective. [*Managerial*](http://www.emeraldinsight.com/action/showLinks?system=10.1108%2F02686909910269878)[*Auditing Journal,*](http://www.emeraldinsight.com/action/showLinks?system=10.1108%2F02686909910269878) 14(4/5):159–262.
20. V. Mongkolsamai, P. Ussahawanitchakit (2012), Impacts of internal control strategy on efficiency operation of organization of Thai listed firms, *International journal of business strategy*, vol 12, No 3: 22-35.
21. Yuan Li, Yi Liu, Yongbin Zhao, (2006). The Role of Market and Entrepreneurship Orientation and Internal Control in the New Product Development Activities of Chinese Firms, *Industrial Marketing Management*, 35: 336-347.
22. Walker D.M., (1999). *Standards for Internal Control in Federal Government*. Available at

<[www.gao.gov/special.pubs/ai00021p.pdf>.[Accessed on 12.05.2013](http://www.gao.gov/special.pubs/ai00021p.pdf%3E.%5BAccessed%20on%2012.05.2013)].

1. Whitting O.R and Pany K., (2001). *Principles of Auditing and Other Assurance Services*, McGraw Hill Company, USA. Available at

<<https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%87_th%E1%BB%91ng>>